

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

VÕ VĂN TÚ

GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH ĐẮK NÔNG

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.01.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Đà Nẵng - Năm 2016

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn KH: TS. Lâm Minh Châu

Phản biện 1: TS. LÊ BẢO

Phản biện 2: GS. TS. NGUYỄN TRỌNG HOÀI

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế phát triển họp tại Đắc Lắc vào ngày 17 tháng 9 năm 2016.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết đề tài

Ngày nay, đói nghèo là một vấn đề mang tính toàn cầu, loại trừ tình trạng bần cùng và thiếu ăn là một trong tám mục tiêu thiên niên kỷ mà 189 quốc gia thành viên đang phấn đấu đạt được vào năm 2020. Giải quyết tình trạng nghèo đói không những nâng cao đời sống kinh tế, mà nó còn cải thiện những vấn đề xã hội, đặc biệt là sự bình đẳng của các tầng lớp cư dân, nhất là cư dân nông thôn so với thành thị.

Tỉnh Đắk Nông trong những năm qua tỷ lệ hộ nghèo đều giảm hàng năm nhưng vẫn còn cao, tính đến năm 2014 tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh là 21.52%, cao hơn rất nhiều so với mức bình quân chung toàn quốc (9,6%). Qua rà soát của các cơ quan chức năng cho thấy, số hộ cận nghèo và tái nghèo của tỉnh còn ở mức cao, đây là một điều đáng lo ngại, nếu không kịp thời đề ra các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương thì công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh sẽ không bền vững, đời sống người dân chậm được cải thiện, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Do đó, việc nghiên cứu, rà soát, đánh giá thực trạng về giảm nghèo trên địa bàn tỉnh, xác định những nhân tố chủ yếu tác động đến đói nghèo làm cơ sở để đề ra các giải pháp giảm nghèo phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương, đồng thời phải làm thế nào để vừa đảm bảo giảm tỷ lệ hộ nghèo, vừa hạn chế mức thấp nhất số hộ nghèo tái nghèo là một điều cần thiết khi chưa có một đề tài khoa học hay chương trình nghiên cứu nào liên quan đến nghèo đói trên địa bàn tỉnh cho đến thời điểm hiện nay. Với lý do đó, em chọn đề

tài: “*Giải pháp giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*” làm luận văn Thạc sĩ, chuyên ngành Kinh tế pháp triển

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Phân tích thực trạng nghèo đói tại tỉnh Đắk Nông và nguyên nhân nghèo đói.

- Xác định các nhân tố tác động đến nghèo đói tại tỉnh Đắk Nông.

- Đề xuất, kiến nghị các giải pháp chủ yếu phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh tế - xã hội địa phương, nhằm đẩy mạnh giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

* Đối tượng nghiên cứu là hoạt động giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

* Phạm vi nghiên cứu:

- Về nội dung: nghiên cứu các nội dung liên quan đến giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Về không gian: trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Về thời gian: Luận văn nghiên cứu vấn đề nghèo đói từ 2011 đến nay, nêu mục tiêu, giải pháp giảm nghèo đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thống kê mô tả kết hợp với phương pháp so sánh nhằm phân tích tìm ra những sự khác biệt về kinh tế, văn hóa, xã hội, điều kiện việc làm và thu nhập giữa các vùng, tỉnh trong cả nước với tỉnh Đắk Nông,

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

- Luận văn làm rõ cơ sở lý luận về nghèo và giảm nghèo.

- Phân tích thực trạng nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông thời gian qua. Tìm ra nguyên nhân và hạn chế.

- Phương hướng và những giải pháp cơ bản để nâng cao hiệu quả giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

6. Tổng quan nghiên cứu liên quan đến luận văn

Vấn đề nghèo đói và xóa đói, giảm nghèo ở nước ta là vấn đề được Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành cũng như nhiều cơ quan, nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX đến nay đã có nhiều công trình khoa học, đề tài nghiên cứu, bài viết liên quan đến vấn đề xóa đói, giảm nghèo được công bố, cụ thể là các công trình sau:

- Nguyễn Thị Hằng, *Vấn đề xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, 1997

- TS. Lê Xuân Bá (cùng tập thể tác giả), *Nghèo đói và xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, 2001.

- Ngoài ra còn nhiều bài báo, tạp chí viết về vấn đề xóa đói giảm nghèo như TS. Tạ Thị Lệ Yên, "*Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng chính sách xã hội với mục tiêu xóa đói, giảm nghèo*", tạp chí Ngân hàng số 11/2005; tác giả Trịnh Quang Chính, "*Một số kinh nghiệm từ chương trình xóa đói, giảm nghèo ở Lào Cai*", tạp chí Lao Động và Xã hội số 272 tháng 10/2005; TS. Đàm Hữu Đắc, "*Cuộc chiến chống đói nghèo ở Việt Nam thực trạng và giải pháp*", tạp chí Lao động và Xã hội số 272 tháng 10/2005.

7. Bố cục luận văn

Ngoài phần mở đầu, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các chữ viết tắt, danh mục biểu đồ và sơ đồ, mục lục và kết luận, Luận văn được trình bày 3 chương.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÀM NGHÈO

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGHÈO

1.1.1. Quan niệm về nghèo

a. Quan niệm của một số tổ chức quốc tế

Có khá nhiều khái niệm khác nhau về nghèo đói, tùy thuộc vào cách tiếp cận, thời gian nghiên cứu và sự phát triển của một quốc gia mà có những quan niệm khác nhau về nghèo đói

Hội nghị bàn về giảm nghèo đói do Ủy ban Kinh tế & Xã hội của Châu Á – Thái Bình Dương (ESCAP) tổ chức vào tháng 9/1993 tại Bangkok – Thái Lan, các quốc gia trong khu vực đã thống nhất cho rằng: “Nghèo đói là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu ấy phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế xã hội, phong tục tập quán của từng vùng và những phong tục ấy được xã hội thừa nhận, tùy theo trình độ phát triển kinh tế và xã hội và phong tục tập quán của từng địa phương. Đây là khái niệm tương đối đầy đủ và bao quát, nên có thể coi đây là định nghĩa chung nhất và có tính hướng dẫn về phương pháp nhận diện nét chính yếu phổ biến về đói nghèo của các quốc gia. Đây là khái niệm được nhiều nước trên thế giới sử dụng trong đó có Việt Nam.

b. Quan niệm của Việt Nam

Các nhà nghiên cứu và quản lý ở nước ta thừa nhận và sử dụng khái niệm nghèo đói do Ủy ban Kinh tế - xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương (ESCAP) đưa ra. Bên cạnh đó, còn có một số khái

niệm liên quan như hộ nghèo, hộ tái nghèo, xã nghèo, vùng nghèo...

1.1.2. Quan niệm về chuẩn nghèo

a. Khái niệm về chuẩn nghèo

Chuẩn nghèo là công cụ để phân biệt người nghèo và người không nghèo. Hầu hết chuẩn nghèo được tính dựa vào thu nhập hoặc chi tiêu. Những người được coi là nghèo khi mức sống của họ đo qua thu nhập (hoặc chi tiêu) thấp hơn mức tối thiểu chấp nhận được, tức là thấp hơn chuẩn nghèo. Những người có mức thu nhập hoặc chi tiêu ở trên chuẩn này là người không nghèo hoặc đã vượt nghèo, thoát nghèo.

b. Phương pháp xác định chuẩn nghèo

- Phương pháp xác định chuẩn nghèo của thế giới
- Tiêu chí xác định chuẩn nghèo của Liên hợp quốc
- Tiêu chí xác định chuẩn nghèo của WB
- Phương pháp xác định chuẩn nghèo của Việt Nam

1.1.3. Sự cần thiết phải giảm nghèo

- Tác động đối với sự phát triển kinh tế
- Tác động đối với sự phát triển xã hội

Việc thực hiện xoá đói giảm nghèo có ý nghĩa quan trọng không những đối với sự phát triển kinh tế mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của xã hội. Để làm nổi bật những cản trở của nghèo đói đối với sự phát triển xã hội các nhà kinh tế đưa ra lý thuyết về cái vòng luẩn quẩn của sự nghèo đói.

- Tác động đối với vấn đề chính trị, an ninh, xã hội.
- Tác động đối với vấn đề văn hoá.

1.2. NỘI DUNG GIẢM NGHÈO

Xóa đói giảm nghèo là cuộc đấu tranh rất cam go, chỉ có thể thành công nếu được thực hiện theo hướng bền vững. Giảm nghèo bền vững là một trọng tâm của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của nước ta giai đoạn 2011 - 2020 nhằm cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống của người nghèo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các vùng nghèo. Để thực hiện giảm nghèo bền vững cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

1.2.1. Tạo điều kiện để hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập

Chúng ta có thể làm tăng thu nhập cho người nghèo thông qua các chính sách như sau:

a. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người nghèo

b. Hướng dẫn người nghèo cách làm ăn và khuyến Nông - Lâm - Ngư

c. Cho vay tín dụng để giảm nghèo

1.2.2. Tăng cường chính sách hỗ trợ cải thiện điều kiện sống cho người nghèo

Phần lớn người nghèo thiếu vốn về điều kiện sinh sống, gắn với dân trí thấp, dễ bệnh tật, ảnh hưởng đến việc tái sản xuất sức lao động. Vì vậy, Nhà nước cần quan tâm và tăng cường hỗ trợ:

a. Hỗ trợ nhà ở, điện, nước và các điều kiện sinh hoạt

b. Hỗ trợ về y tế, giáo dục

c. Thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIẢM NGHÈO

1.3.1. Nhóm nhân tố thuộc về điều kiện tự nhiên

1.3.2. Nhóm nhân tố thuộc về điều kiện xã hội

1.3.3. Nhóm nhân tố thuộc về điều kiện kinh tế

1.3.4. Các nhân tố thuộc bản thân người nghèo.

**1.4. KINH NGHIỆM GIẢM NGHÈO Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG
VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO TỈNH ĐẮK NÔNG**

1.4.1. Một số kinh nghiệm giảm nghèo

a. Kinh nghiệm giảm nghèo của tỉnh Hà Tĩnh

b. Kinh nghiệm giảm nghèo của tỉnh Quảng Trị

**1.4.2. Bài học rút ra đối với tỉnh Đắk Nông trong giảm
nghèo hiện nay**

Kết luận Chương 1

Trong chương 1, luận văn đã tập trung trình bày cơ sở lý luận về giảm nghèo. Trong đó luận văn đã làm rõ khái niệm hộ nghèo, giảm nghèo; Tiêu chí xác định hộ nghèo; Ý nghĩa của vấn đề giảm nghèo. Trong chương này luận văn cũng đã trình bày nội dung về giảm nghèo cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến giảm nghèo. Trong đó nội dung của giảm nghèo bao gồm những vấn đề như : Hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề; Cho vay tín dụng để giảm nghèo; Hỗ trợ Y tế, giáo dục và cơ sở vật chất khác cho hộ nghèo, huyện nghèo; Hướng dẫn người nghèo cách làm ăn và khuyến Nông Lâm Ngư. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác giảm nghèo bao gồm: Nhóm nhân tố thuộc về điều kiện tự nhiên; Nhóm nhân tố thuộc về điều kiện xã hội; Nhóm nhân tố thuộc về điều kiện kinh tế. Kết thúc chương 1 luận văn đã trình bày kinh nghiệm giảm nghèo ở Quảng Trị và Hà Tĩnh có thể nghiên cứu vận dụng trong công tác giảm nghèo ở tỉnh Đắk Nông.

Việc nghiên cứu những vấn đề cơ sở lý luận ở Chương 1 đặt nền tảng, hình thành khung lý luận vững chắc để nghiên cứu Chương 2 và Chương 3 của luận văn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO Ở TỈNH ĐẮK NÔNG

2.1. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO Ở TỈNH ĐẮK NÔNG

2.2. THỰC TRẠNG NGHÈO VÀ ĐẶC ĐIỂM HỘ NGHÈO Ở TỈNH ĐẮK NÔNG

2.2.1. Khái quát thực trạng nghèo ở tỉnh Đắk Nông

Đến cuối năm 2014, toàn tỉnh Đắk Nông có 19.081 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 13,75% và có 10.789 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 7,77% trên tổng số hộ toàn tỉnh. Trong đó: hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số chung là 11.764 hộ, chiếm tỷ lệ 30,04% trên tổng số hộ dân tộc thiểu số; hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ 5.199 hộ, chiếm tỷ lệ 42,19% trên tổng số hộ dân tộc thiểu số tại chỗ (cao gấp 3 lần so với tỷ lệ nghèo bình quân chung của tỉnh).

Tỷ lệ hộ nghèo tại địa bàn tỉnh Đắk Nông qua các năm

Đơn vị tính : %

Năm	Tỷ lệ hộ nghèo
2005	24,47
2006	15,07
2007	10,58
2008	7,95

Năm	Tỷ lệ hộ nghèo
2009	13,28
2010	28,30
2011	26,50
2012	23,3
2013	21,06
2014	21,52

(Nguồn: Niên giám thống kê và Báo cáo kinh tế xã hội tỉnh Đắk Nông năm 2014)

2.2.2. Đặc điểm hộ nghèo của tỉnh Đắk Nông

Giai đoạn 2011 -2015 (theo chuẩn nghèo mới), từ năm 2011 sau khi rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới, kết quả về hộ nghèo lớn hơn cả năm 2010 và những năm trước đó, tỷ lệ hộ nghèo năm 2011 là 23,50%.

Tuy nhiên xét trong giai đoạn 2011 -2013 thì tỷ lệ hộ nghèo giảm hàng năm, bình quân giảm 1,81%, đến năm 2013 số hộ nghèo giảm xuống còn: 20.175 hộ nghèo, chiếm 21,06%. Đến năm 2014 tỷ lệ hộ nghèo lại tăng lên đặc biệt 2 huyện vùng sâu vùng xa Tuy Đức tăng 2,53% so với năm 2013 và huyện Đắk G'long tăng 1,68% so với năm 2013.

2.3. THỰC TRẠNG GIẢM NGHEÒU TỈNH ĐẮK NÔNG

Đắk Nông vẫn đang còn nhiều khó khăn, thách thức, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg của Thủ

tướng Chính phủ, áp dụng giai đoạn 2011 - 2015 còn cao. Năm 2011, số hộ nghèo chiếm tỷ lệ 29,25%, đến năm 2012 chiếm tỷ lệ 26,8%; tỷ lệ hộ nghèo cao hơn mức bình quân chung của cả nước (năm 2012 bình quân cả nước là 11,76%), nhất là ở vùng sâu, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, còn 4 huyện có tỷ lệ hộ nghèo trên 30%, 31 xã nghèo có tỷ lệ trên 25%, 11 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 50% (chủ yếu tập trung ở huyện Đăk Glông, Tuy Đức) và 50 thôn buôn có tỷ lệ hộ nghèo trên 80%; hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm 46,34% trên tổng số hộ dân tộc thiểu số, trong đó, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chiếm tỷ lệ 63,41% trên tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

2.3.1. Thực trạng công tác hỗ trợ cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập

a. Chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người nghèo

Trong thời kỳ 2011-2015, thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo của nhà nước, công tác hỗ trợ sản xuất phát triển ngành nghề trên địa bàn tỉnh Đăk Nông đạt những kết quả tích cực.

Qua 5 năm, thông qua các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất theo Chương trình 135 đã hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ vùng khó khăn trong sản xuất nông nghiệp cho 10.000 hộ, với số tiền 16.000 triệu đồng. Ngoài ra, năm 2014 hỗ trợ cho sản xuất, phát triển ngành nghề cho 822 hộ, với số tiền 4.109 triệu đồng. Trợ giúp cho người nghèo có tay nghề cần thiết để tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập thông qua các khoá dạy nghề, tìm việc làm tại các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp quy mô vừa

và nhỏ; đi lao động xuất khẩu hoặc tự tạo việc làm, góp phần giảm nghèo bền vững.

b. Thực trạng công tác hướng dẫn người nghèo cách làm ăn và khuyến Nông - Lâm – Ngư

** Công tác hướng dẫn người nghèo cách làm ăn*

Dự án hướng dẫn người nghèo cách làm ăn, khuyến nông, khuyến lâm là một dự án quan trọng trong quá trình thực hiện công tác giảm nghèo. Trong những năm qua, Trung tâm Khuyến nông tỉnh đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tổ chức tập huấn kỹ thuật cho nông dân với 36.766 lượt người tham gia. Triển khai thực hiện 71 mô hình trình diễn với 5.093 lượt người tham gia mô hình; tổ chức 967 cuộc hội thảo đầu bờ. Tổng kinh phí thực hiện các chương trình 24.954 triệu đồng.

** Công tác khuyến Nông – Lâm – Ngư*

Trung tâm khuyến nông tỉnh, Chi cục thú y tỉnh, Chi cục bảo vệ thực vật, thường xuyên tổ chức triển khai công tác khuyến nông – lâm – ngư đến các huyện, xã, thôn, buôn. Nhiều lớp tập huấn kỹ thuật, hội thảo đã được tổ chức ngay tại cơ sở như: tập huấn nâng cao kỹ thuật chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh chăn nuôi gia súc; kỹ thuật thâm canh cây lúa nước, cây lúa lai TH3; kỹ thuật canh tác cây sắn; kỹ thuật thâm canh, canh tác cây cà phê, ngô lai; kỹ thuật chăn nuôi heo, bò, gà... Từ năm 2010 đến năm 2014 đã triển khai tập huấn kỹ thuật canh tác được 530 lớp, với 28.530 lượt người tham gia; tổ chức hội thảo đầu bờ: 161 cuộc, với 14.660 lượt người tham gia; tổ chức tập huấn kỹ thuật chăn nuôi: 87 lớp, với 5.750 lượt người tham gia.

c. Thực trạng công tác cho vay tín dụng đối với người nghèo

Trong những năm qua, Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã

hội tỉnh phối hợp cho vay uỷ thác qua các tổ chức đoàn thể như: Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với 23.689 lượt hộ nghèo. Các hộ nghèo có sức lao động, có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất kinh doanh đều được giải quyết vay vốn. Thông qua nguồn vốn cho vay đã huy động được nguồn lao động nhàn rỗi, tạo công ăn việc làm đem lại thu nhập góp phần xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho các hộ gia đình.

Giai đoạn 2011-2014, nguồn vốn của ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, tiếp cận và cho các hộ nghèo theo các chương trình xoá đói, giảm nghèo với tổng doanh số cho vay ưu đãi là 85.472 triệu đồng, số hộ nghèo được tiếp cận nguồn vốn vay và doanh số cho vay đều tăng lên hàng năm.

2.3.2. Thực trạng công tác hỗ trợ cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội

a. Chương trình xóa nhà tạm, hỗ trợ điện, nước sinh hoạt

Thực hiện hỗ trợ nhà ở theo Chương trình 134 của Thủ tướng Chính phủ, với phương châm “Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tự làm”, trong giai đoạn 2004-2008 trên địa bàn tỉnh đã có 5.259 hộ gia đình được hỗ trợ nhà ở, kinh phí thực hiện 18.281 triệu đồng; trong đó ngân sách Trung ương 10.203 triệu đồng, ngân sách địa phương 8.078 triệu đồng. Từ nguồn vốn của Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam phân bổ và huy động ủng hộ đóng góp “Quy vì người nghèo” của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh Đắk Nông đã hỗ trợ hộ nghèo xây dựng mới và sửa chữa được 458 căn nhà đại đoàn kết, kinh phí thực hiện 3.839,290 triệu đồng.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 29/9/2008 của Tỉnh ủy Đắk Nông và Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở. Trong năm 2008-2010 trên địa bàn toàn tỉnh đã xây dựng được 1.930 căn nhà, kinh phí thực hiện 39.158 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100% theo đề án phê duyệt.

b. Chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục cho hộ nghèo

**** Về y tế***

Về công tác cấp phát thẻ Bảo hiểm y tế: Các ngành, các cấp của tỉnh đã phối hợp chặt chẽ trong việc rà soát cấp phát thẻ Bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách, nhân dân các huyện, thị xã nên kết quả cấp phát thẻ Bảo hiểm y tế hàng năm đều đạt tỷ lệ 100%. Giai đoạn năm 2011-2014 cấp phát được 678.866 thẻ Bảo hiểm y tế cho người nghèo, với tổng kinh phí: 367.637 triệu đồng. Tổ chức khám chữa bệnh cho người nghèo giai đoạn 2011-2014 được 851.022 lượt/ người, với tổng kinh phí: 83.387 triệu đồng.

**** Về giáo dục:***

Thực hiện chính sách của nhà nước đối với học sinh nghèo, tỉnh đã tích cực triển khai hỗ trợ miễn giảm học phí nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho con, em hộ nghèo đảm bảo kinh phí để học tập. Đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh đã hỗ trợ miễn giảm học phí cho 7.498 học sinh nghèo, với tổng số tiền là 6.015 triệu đồng.

Từ năm 2011-2014: con em thuộc hộ nghèo trong độ tuổi đi học đều được miễn giảm học phí, các khoản đóng góp xây dựng trường và được hỗ trợ về sách vở, đồ dùng học tập. Giai đoạn này

tỉnh cũng trợ cấp xã hội và học bổng cho 536 học sinh nghèo, kinh phí thực hiện là 590 triệu đồng.

c. Chính sách trợ giúp pháp lý cho hộ nghèo

Từ năm 2011-2014, tỉnh đã tổ chức triển khai hỗ trợ tuyên truyền chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước tại cơ sở cho 68 xã phường, thị trấn Thông qua chính sách trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người nghèo, góp phần giúp người nghèo tiếp cận với pháp luật, nâng cao hiểu biết pháp luật để họ thực hiện pháp luật, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Nhiều vụ việc đã được cộng tác viên tư vấn trợ giúp thành công, đem lại quyền lợi của đối tượng, đặc biệt là các vụ việc có liên quan đến việc thực hiện chính sách đối với người nghèo và đối tượng chính sách xã hội.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO Ở TỈNH ĐẮK NÔNG THỜI GIAN QUA

2.4.1. Những mặt đạt được

Các chính sách về giảm nghèo, đã thực sự đi vào cuộc sống, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư. Hệ thống các chính sách, cơ chế, giải pháp giảm nghèo đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành nghề, tạo việc làm tại chỗ và có thu nhập ổn định cho các đối tượng là người yếu thế trong xã hội, phát triển kinh tế văn hóa - xã hội theo hướng bền vững trên địa bàn toàn tỉnh.

2.4.2. Những tồn tại trong công tác giảm nghèo và nguyên nhân

a. Những tồn tại

- Kết quả giảm nghèo chưa vững chắc, tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn rất cao so với bình quân chung của cả nước, tỷ lệ hộ thoát nghèo hàng năm thấp và số hộ tái nghèo, cận nghèo còn ở mức cao.

- Chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư chưa được thu hẹp, nhất là các vùng, các huyện có người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống chiếm tỷ lệ cao, tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số và vùng nông thôn giảm chậm.

- Hộ gia đình nghèo thiếu đất canh tác hoặc đất canh tác nông nghiệp hạn chế, thiếu nhà ở hoặc nhà tạm bợ vẫn còn khá lớn.

- Sản xuất nông lâm nghiệp của tỉnh chủ yếu mang tính tự cung, tự cấp và sản xuất sản phẩm với quy mô nhỏ, năng suất thấp, hiệu quả kinh tế chưa cao, còn lệ thuộc vào thiên nhiên, đại đa số người dân của tỉnh chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp nên thu nhập tăng trưởng chậm và chưa bền vững, làm tỷ lệ hộ nghèo giảm chậm. Đồng thời tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn cao nên quy mô nhân khẩu của hộ lớn dẫn đến thu nhập bình quân đầu người trong hộ thấp và rơi vào nghèo đói.

- Người lao động chưa qua đào tạo, chưa được tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, thiếu kiến thức làm ăn vẫn còn nhiều.

- Quy mô nhân khẩu trên địa bàn vẫn còn thừa, số người ăn theo còn ở mức cao.

- Nguồn vốn cho vay phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh vẫn còn ở mức thấp, hộ nghèo khó tiếp cận được nguồn vốn cho vay, chủ

yếu là nguồn vốn vay ưu đãi từ NHCSXH tỉnh, một số hộ còn sử dụng vốn vay ưu đãi xói mòn, giảm nghèo sai mục đích nên hiệu quả sử dụng vốn vay chưa cao.

b. Nguyên nhân tồn tại và hạn chế

- Tỉnh Đắk Nông là một trong những mới thành lập, có xuất phát điểm thấp, điều kiện về cơ sở hạ tầng còn yếu kém, giao thông đi lại khó khăn

- Tuy được Nhà nước ưu tiên nguồn lực đầu tư cho các huyện nghèo, xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số, nhưng mức đầu tư còn thấp so với nhu cầu thực tế của địa phương.

- Chưa kịp thời ban hành các chính sách hỗ trợ hộ cận nghèo

- Công tác khuyến nông, lâm, ngư vẫn còn mặt hạn chế

- Công tác phối hợp giữa cho vay vốn ưu đãi

- Trình độ học vấn, trình độ tay nghề của người nghèo còn khá thấp, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số

- Công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về giảm nghèo

Kết luận Chương 2

Chương 2 của Luận văn đã trình bày tình hình cơ bản của tỉnh Đắk Nông ảnh hưởng đến công tác giảm nghèo bao gồm: Đặc điểm về điều kiện tự nhiên; Đặc điểm về điều kiện xã hội; Đặc điểm về điều kiện kinh tế. Trên cơ sở phân tích Luận văn đã chỉ rõ những mặt thuận lợi và khó khăn của tỉnh Đắk Nông trong công tác giảm nghèo.

Nội dung chính của chương 2 là luận văn phân tích và đánh giá thực trạng công tác giảm nghèo Hỗ trợ Y tế, giáo dục và cơ sở vật chất khác cho hộ nghèo, xã nghèo; Hướng dẫn người nghèo cách làm ăn và khuyến Nông Lâm Ngư; Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ giảm nghèo và cán bộ ở các xã nghèo; Hỗ trợ vùng ĐBĐT đặc biệt khó khăn, đã khảo sát phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đói trên địa bàn. Đồng thời luận văn cũng đánh giá được các thành công cũng như các mặt hạn chế và các nguyên nhân của các mặt hạn chế trong trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG

2015 - 2020

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2015-2020

3.1.1. Phương hướng

3.1.2. Mục tiêu giảm nghèo của tỉnh Đắk Nông

a. Mục tiêu chung

Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2015-2020 với mục tiêu Nhà nước hỗ trợ các chính sách, dự án nhằm tạo điều kiện phát triển sản xuất cho người nghèo, hộ nghèo

b. Mục tiêu cụ thể

** Đến năm 2015*

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 2,18% (theo chuẩn hộ nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015);

- Duy trì 100% đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí;

- Duy trì 100% trẻ em mẫu giáo, học sinh phổ thông là con hộ nghèo, hộ cận nghèo được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định về học phí, chi phí học tập, ăn trưa tại trường;

- Duy trì 100% đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo được thụ hưởng đầy đủ, kịp thời các chính sách theo quy định, tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản;

- Duy trì 100% cán bộ, công chức cấp xã, trưởng thôn, bản, cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được tập huấn về kiến thức, kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách,

dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia của người dân; phát triển cộng đồng.

* Đến năm 2020

- Phấn đấu 100% đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí;

- Thực hiện nâng chuẩn nghèo của tỉnh cao hơn chuẩn nghèo của Trung ương quy định 30%;

- Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh bình quân mỗi năm giảm 0,7%; thu nhập bình quân của hộ nghèo tăng trên 4 lần so với năm 2010; Tỉnh cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia;

- Tỉnh cơ bản không còn hộ nghèo ở nhà dột nát;

- Thu nhập của những hộ nghèo tham gia mô hình tăng 15 đến 20%/năm; bình quân mỗi năm có 10% số hộ tham gia mô hình thoát nghèo;

- Bố trí một cán bộ chuyên trách làm công tác giảm nghèo cho những xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 7% trở lên, huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% trở lên.

3.2 MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2015- 2020

3.2.1 Nhóm giải pháp tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập

a. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm, hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao công nghệ

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, đội ngũ làm công tác khuyến nông – lâm – ngư.

- Đào tạo nghề phải theo nhu cầu lao động của thị trường

- Tập trung, tăng cường công tác khuyến nông – lâm – ngư đối với những cây trồng, vật nuôi huyện có lợi thế, gắn khuyến nông- lâm- ngư với cung cấp tín dụng và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ cho người nghèo

- Phân chia thành nhiều nhóm đối tượng trong đào tạo nghề, hướng dẫn khuyến nông - lâm - ngư cho người nghèo để phù hợp với trình độ, nhu cầu, điều kiện phát triển kinh tế của hộ

b. Chính sách tín dụng ưu đãi người nghèo

- Mở rộng, đa dạng nguồn vốn tín dụng với hộ nghèo

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo từ Ngân hàng Chính sách xã hội

3.2.2. Các chính sách nhằm tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội

a. Chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo

b. Chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo

c. Chính sách hỗ trợ nhà ở, điện, nước sinh hoạt

d. Chính sách trợ giúp pháp lý

3.2.3. Một số giải pháp khác

a. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ giảm nghèo

b. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn; thôn, buôn, bon, bản đặc biệt khó khăn

c. Xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo

d. Kiện toàn bộ máy ban chỉ đạo các cấp, tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân

e. Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá

Kết luận Chương 3

Trong chương 3 này, luận văn đã tập trung vào việc trình bày phương hướng, mục tiêu giảm nghèo của tỉnh Đắk Nông nhằm có hướng đi vững chắc. Trên cơ sở phân tích thực trạng và giảm nghèo, nguyên nhân dẫn đến nghèo được trình bày ở chương 2 với những kết quả đạt được, hạn chế tồn tại,

Chương 3 đã trình bày cơ sở cho việc xây dựng giải pháp giảm nghèo bao gồm: Phương hướng và mục tiêu của chính sách giảm nghèo hiện nay. Từ đó luận văn đã đề xuất một số giải pháp cụ thể để giảm nghèo trong thời gian đến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông như: Giải pháp tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập, cách chính sách nhằm tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội, các giải pháp về công tác tổ chức thực hiện

KẾT LUẬN

Đề tài luận văn “Giải pháp giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông” được nghiên cứu nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu thực tiễn của cuộc sống.

Nêu ra được thực trạng nghèo và giảm nghèo tại địa bàn tỉnh Đắk Nông trong thời gian qua. Đánh giá những hạn chế, tồn tại trong công tác giảm nghèo.

Luận văn cũng đề xuất 3 nhóm giải pháp cụ thể nhằm giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020.